

### *Phẩm Thứ 5: NHẬP THỰC TẾ*

**Luận chép:** Nói Thật tế ấy gọi là lừa bả giả dối, nghĩa của rốt ráo lừa huyền rốt ráo nên gọi là Thật tế. Dựa vào giáo tu tập lý, lý phù hợp - hành phù hợp, cho nên gọi là Nhập. Nhưng Thật tế lấy vô tế (không có bờ mé) làm ranh giới, hai Nhập là nhập của Vô nhập nên gọi là phẩm Nhập Thật tế.

Kinh: “Ư nhĩ Như-lai tác như thị ngôn: Chư Bồ-tát đẳng bản lợi thâm nhập khả độ chúng sanh”. Ngay lúc đó Đức Như-lai nói lên như vậy: Các Bồ-tát đi sâu vào lợi ích vốn có - có khả năng độ cho chúng sanh.

**Luận chép:** Nói riêng phần thứ ba dựa vào vốn có lợi ích cho người trong sáu phần của Quán Hành đã hoàn tất. Dưới đây là phần thứ tư từ luống dối nhập vào thật tế. Lại, phẩm trước nói về môn tâm sanh diệt, nay phẩm này nói về môn tâm chân như. Ngay trong văn có bốn: 1. Sơ lược nêu ra Đại ý. 2. Mở rộng hiển bày đạo lý. 3. Thân Tử lĩnh ngộ hiểu rõ. 4. Đại chúng đương thời được lợi ích. Trong phần đầu có hai: Trước là mở bày khiến cho nhập vào phương tiện, sau là chỉ ra thật tế nhập vào. Trong phần khai bày phương tiện có nêu chung và riêng mở bày. Đây là văn nêu chung lên khiến cho nhập vào đại ý.

Kinh: “Nhược hậu phi thời ưng như nói pháp thời lợi bất câu, thuận bất thuận nói phi đồng phi dị tương ưng như nói, dẫn chư tình trí lưu nhập Tát-bà-nhã hải, vô linh khả chúng ấp bỉ hư phong, tất linh bỉ thứ nhất vị thần khổng”. Nếu sau này trái thời, ứng với như thật nói pháp thì lợi ích, thời gian không thể đều có, thuận hay không thuận mà giảng nói chẳng phải giống chẳng phải khác tương ưng như nói, dẫn dắt các tình ý - trí thức trôi lăn nhập vào biển Tát-bà-nhã, không làm cho chúng sanh nào phải nhận lấy làn gió giả dối kia, thấy đều khiến cho họ mong mỗi một vị và hàng động thần tiên.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai mở bày riêng về phương tiện. Trong đó trước mắt khai bày bốn thứ phương tiện: 1. Phương tiện Tri thời. 2. Thức cơ phương tiện. 3. Dẫn nhập phương tiện. 4. Phương tiện Xuất ly. Phương tiện Tri thời: Như kinh nói “Nếu sau này trái thời, ứng với... không thể đều có”. Sau này có ba nghĩa: vì sau khi Đức Phật diệt độ, vì sau khi chánh pháp diệt mất, vì năm trăm năm sau trong năm lần năm trăm. Nói trái thời là thời gian chẳng phải thuận thực, chẳng phải thời gian dễ dàng giác ngộ, các dị kiến hưng thịnh là tướng trái thời. Nếu ở thời gian không hợp như vậy cứ mãi thuận theo chân như

nói pháp thì không thích hợp thời gian kia không có lợi ích gì. Thời gian và lợi ích không song song cho nên nói là không thể đều có; đây là phương tiện tri thời. Phương tiện Thức cơ: như kinh nói “Thuận bất thuận nói phi đồng phi dị tương ứng như nói”. Thuận bất thuận nói: Nếu cứ thuận theo mà nói thì tâm họ không thể dao động tà chấp, nếu chỉ nói không thuận theo thì không khởi chánh tín, vì muốn làm cho họ được tâm chánh tín trừ diệt tà chấp vốn có, cần phải thuận theo hoặc không thuận theo mà nói. Lại, thẳng thắn thuận theo lý giảng nói thì bất sanh khởi chánh tín, vì trái với ý của họ, không thuận theo lý giảng nói, há sanh khởi chánh giải hay sao! Vì trái với lý, để đạt được tín hiểu cho nên thuận hay không thuận mà giảng nói. Nếu lúc các kiến giải khác nhau nổi lên tranh luận, hoặc cùng thấy “có” mà giảng nói, thì khác với cái thấy “không”, hoặc cùng chấp “không” mà giảng nói, thì khác với chấp “có”, những cái giống nhau - những cái sai khác càng đẩy lên sự tranh cãi đó. Lại, cả hai giống với hai cái kia thì tự bên trong tranh cãi lẫn nhau, nếu khác với hai cái kia thì tranh cãi lẫn nhau với hai. Vì thế cho nên chẳng phải giống nhau - chẳng phải khác nhau mà giảng nói. Chẳng phải giống nhau là như lời nói mà giữ lấy, đều không thể chấp nhận. Chẳng phải khác là được ý mà nói thì chẳng có gì không được. Vì chẳng khác nhau cho nên không trái với tình ý của họ. Vì chẳng giống nhau cho nên không trái với lý, hợp lý hợp tình không trái nhau cho nên nói là Tương ứng như nói. “Như” là như vậy. Phương tiện Dẫn nhập: Như kinh nói “Dẫn các tình trí chảy vào biển Tát-bà-nhã”. Các tình là tình ý ham muốn Đại, Tiểu sai khác. Các trí là thấy biết sai khác về Không - Hữu. Dẫn dắt tiếp nhận chúng đều thuận theo dòng đạo, khiến cho hòa nhập vào biển cả của Nhất giác Nhất-thiết-trí, vì nghĩa vô thượng Bồ-đề sâu rộng, như trăm dòng sông cùng chảy ra biển lớn, biển lớn sâu rộng một vị như nhau, như vậy gọi là phương tiện Dẫn nhập. Phương tiện Xuất ly: Như kinh nói “chẳng khiến cho chúng sanh nhận lấy gió giả dối, đều mong được một vị, và hang động thần tiên”. Ấp là châm (rót rượu, trà, nước v.v...), là nghĩa của Thủ Nạp (chọn lấy, tiếp thu). Nói Hư phong: Nghĩa là gió thường di động trong hư không, có thể làm dậy sóng; dụ cho các cảnh giới dao động theo làn sóng của các Thức, có thể độ cho chúng sanh ôm nhận lấy gió của cảnh giới, nên từ trước đến nay bị các làn sóng của các Thức, xoay chuyển nay không khiến cho nhận lấy thì làn sóng thức ngừng yên. Thứ ấy là Thứ cơ (ngõ hầu, cơ hồ), là nghĩa của hy vọng. Nói Thần khổng: Nghĩa là hang động của thần tiên, là nơi xa lìa chốn thành ấp ồn ào, vô sự, nhàn nhã, vắng

lặng, sống lâu, dụ cho tòa nhà bất tử của Đại Niết-bàn, viên tịch bình đẳng cho nên gọi là một Vị, khiến cho chúng sanh kia mong mỗi Đại Niết-bàn, làn sóng dừng lại vượt các Thức khỏi dòng xoay chuyển, như vậy gọi là phương tiện xuất ly.

Kinh: “Thế gian phi thế, trụ phi trụ xứ, ngũ không xuất nhập, vô hữu thủ xả. Hà dĩ cố? Chư pháp không tướng, pháp tánh phi vô, phi vô bất vô, bất vô bất hữu, vô quyết định tánh, bất trụ hữu vô, phi bỉ hữu vô phạm thánh chi trí, nhi năng trác ẩn, chư Bồ-tát đẳng, nhược tri thị lợi tức đắc Bồ-đề”. Thế gian chẳng phải thế gian, An trụ chẳng phải nơi an trụ, ra vào năm không; không có gì lấy bỏ. Tại vì sao? Vì tướng không của các pháp và pháp tánh chẳng phải không có, chẳng phải không có - chẳng thể không có, chẳng thể không có - không thể là có, không có tánh quyết định, không trụ vào có - không, chẳng phải trí của phạm thánh có - không kia, mà có thể đo lường yên ổn. Các vị Bồ-tát, nếu biết rõ lợi ích này thì được Bồ-đề.

**Luận chép:** Đây là chỉ ra đạo lý hội nhập. Trong đó có bốn: 1. Nói Sơ lược. 2. Giải thích lại. 3. Chấp trước nghiêng lệch không thích hợp. 4. Người thông hiểu được lợi ích. Trong phần đầu nói “Thế gian chẳng phải thế gian: Vì năm pháp thế gian không hề vốn có. An trụ chẳng phải nơi an trụ: Vì thường an trụ Niết-bàn không đạt được gì. Người tu quán hành lúc thông hiểu năm không, ra có vào không nên nói là xuất nhập. Lúc nhập vào “không”, chẳng giữ lấy tánh không, tuy chẳng giữ lấy “không” mà chẳng thể xả bỏ “không”. Vì điều này cho nên nói là không có lấy bỏ. Đã nhập vào năm không, vì sao không giữ lấy? Nếu không giữ lấy điều ấy thì thế nào là không xả bỏ? Vì để trả lời cho câu hỏi này. Thứ hai là giải thích về tướng không của Chư pháp - pháp tánh chẳng phải, không có, do đó nói về Nhập không, chẳng phải không có, chẳng thể có, chẳng thể không, cho nên không có lấy bỏ. Nói chẳng không là lý pháp tánh, vì không giống như sừng thỏ. Nói chẳng thể không có nghĩa là người quán hành mà không xả bỏ, không xả bỏ điều ấy vì chẳng phải lý không có. Nói chẳng thể có ấy nghĩa là người quán hành cũng không thể giữ lại, không giữ lại vì chẳng phải lý có. Pháp tánh như vậy chẳng phải nhất định có - không, thế nên người thông hiểu không trụ vào hai bên, do đó nói là không có tánh quyết định - Không thể an trụ ở có, không. Căn cứ vào đạo lý này cho nên không có lấy bỏ. Trong phần thứ ba nói “Chẳng phải trí phạm thánh có, không” ấy là phạm phụ giữ lại có mà lia bỏ đối với không, Nhị Thừa lia bỏ có mà hướng về vắng lặng, như vậy không xa lia trí có - không

mà có thể so lường an ổn pháp tánh ấy, không có điểm này cho nên nói là “chẳng phải”. Trong phần thứ tư nói “Các Bồ-tát”: Bồ-tát Địa tiền nếu biết pháp tánh chẳng có - chẳng không, lúc mới phát tâm thì thành tựu Chánh giác, vì thế cho nên thiết thật nói là Tức đắc Bồ-đề nghĩa là ngay khi phát tâm vào lúc biết rõ pháp tánh, lúc này lập tức đạt được vô thượng Bồ-đề; nghĩa này trích từ phẩm phát Tâm Công Đức trong kinh Hoa Nghiêm. Các văn trên đây đều nói Quyết định tánh, tại vì sao trong này chính là nói vô quyết định tánh thì không trái ngược lẫn nhau ư? Vì sao? Vì nghĩa về Vô quyết định vô có thay đổi chắc chắn.

Kinh: “Nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ-tát danh viết Đại Lực tức tùng toà khởi tiền bạch Phật ngôn: Tôn giả! Như như sở nói ngũ không xuất nhập, vô hữu thủ xả, vân hà ngũ không nhi bất thủ xả?”. Lúc bấy giờ trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên gọi Đại lực liền từ chỗ ngồi đứng lên đến trước bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như như đã giảng nói là năm không ra vào, không có lấy bỏ, vì sao năm vô mà chẳng lấy bỏ?

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai nói rộng về đạo lý. Trong đó chính là chia ra làm bốn môn: 1. Nói nghĩa về Thật tế. 2. Nói về nghĩa Thủ nhập. 3. Mở bày tầng bậc, địa vị nhập vào. 4. Chỉ ra phương tiện nhập vào. Trong phần đầu cũng - có bốn: 1. Nói về năm không. 2. Nói về ba không. 3. Nói về không là Chân. 4. Nói về Chân là Như. Trong phần một có hai: Trước hỏi - sau đáp. Người hỏi tên gọi là Đại lực: Người này được nhập vào pháp môn Thật tế, rộng khắp tất cả pháp giới, chẳng có việc gì không được đại tự tại, hoàn toàn nên gọi là Đại Lực, vì thế đối với môn này khai phát hiển dương: Nói Như Như là vì lời Đức Phật giảng nói phù hợp như lý, Như trước là nghĩa xác đáng (đương nghĩa), Như sau là đạo lý. Trước là lãnh hội - sau là thưa hỏi. Hỏi có hai nghĩa: 1. Hỏi về pháp môn năm Không. 2. Hỏi về nghĩa không có lấy bỏ.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Ngũ không giả tam hữu thị không, lục đạo ảnh thị không, pháp tướng thị không, danh tướng thị không, tâm thức nghĩa thị không. Bồ-tát như thị đẳng không, không bất trụ không, không vô không tướng, vô tướng chi pháp hữu hà thủ xả, nhập vô thủ địa tức nhập tam không”. Đức Phật nói: Nay Bồ-tát! Năm không là: Ba hữu là không, hình ảnh sáu đường là không, pháp tướng là không, danh tướng là không, nghĩa về tâm thức quả là không. Nay Bồ-tát, năm không như vậy, không không bất trụ không, không không chẳng có tướng không, Pháp có gì lấy bỏ, nhập vào nơi không có chấp lấy tức là

nhập vào ba không.

**Luận chép:** Như thứ tự đó trả lời hai câu trước. Năm không, tức là hiển bày rõ ba thứ Chân như. Ba thứ ấy? Đó là: 1. Chân như Lưu chuyển. 2. Chân như Thật tướng. 3. Duy thức Chân như. Nghĩa này đầy đủ như Hiển Dương Luận giải thích. Trong này hai Không trước chính là hai thứ Chân như trước, ba không sau là Chân như thứ ba. Nghĩa này như thế nào? Đầu tiên “Tam hữu là không”: Vì ái trước ba cõi nên trôi lăn trong ba cõi (tam hữu- ba cõi), ba cõi xoay vòng không có tánh trước sau, sát-na không an trụ - Không không có gì đạt được, tức là trôi lăn Chân như môn. Thứ hai là “Hình ảnh sáu đường là không”: Vì nghiệp thiện ác đều có hai phẩm, quả báo sáu đường giống như, vốn của nó hiện ra hình ảnh, hình ảnh không lìa nguồn gốc Không, không có gì đạt được, tức là Thật tướng Chân như môn. Ba không sau là thứ ba Duy thức Chân như môn: Hai thứ trước là xả bỏ tên gọi và nghĩa sở thủ, vì tên gọi và nghĩa là khách của nhau cho nên không trở thành là thật. Một loại sau là xả bỏ tâm thức năng thủ, vì khách chủ (năng - sở) đối đãi lẫn nhau không thể riêng lập. Đạo lý về duy thức rất khó có thể hội nhập, do đó khai bày ba không để xả bỏ năng sở đó. Năng sở không cho nên đạt được vô phân biệt. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ hai. “Các không như thế...”. Chung đưa ra năm Không phân biệt rõ lý trí đó. Không bất trụ Không: Vì Không trí không an trụ cùng với lý bình đẳng. Không vô không tướng: Bởi vì Không lý không có tướng cùng với trí bình đẳng. Lý trí bình đẳng không có tướng của năng sở, đâu cho phép lấy bỏ ở tại trong đó được. cho nên nhập vào trong đó tức là nhập vào ba Không. Nơi không có giữ lấy: Nghĩa là Thập Địa v.v...

Kinh: “Đại lực Bồ-tát ngôn: Vân hà tam không? Phật ngôn: tam không giả không tướng diệt không, không không diệt không, sở không diệt không. Như thị đẳng không bất trụ tam tướng, bất vô chân thật, văn nôn đạo đoạn, không thể nghĩ bàn v.v...” Đại Lực Bồ-tát chép: Thế nào là ba không? Đức Phật nói: Ba không ấy là tướng không cũng không, không- không cũng không, sở không cũng không. Ba không như vậy không trụ vào ba tướng, chẳng thể không có chân thật, đường ngôn ngữ dứt, không thể nghĩ bàn.

**Luận chép:** Một lần hỏi - đáp này là nói về hai Không. Không tướng cũng Không: Không tướng chính là xả bỏ Tục hiển bày Chân, tướng của bình đẳng cũng không, tức là hòa hợp Chân lẫn Tục. Nghĩa của Không Không giống như nung chảy vàng thật làm thành vòng xuyên trang nghiêm. Như kinh Niết-bàn chép: “Thị hữu thị vô thị gọi

là không không, thị thị phi thị danh - không không (là có là không có thì gọi là không không, là vậy chẳng phải vậy thì gọi là không không)". Đây là nói về tướng sai khác vô hữu vô thị phi của Tục đế, là nghĩa của không, không: Không đối với bình đẳng không, nói lên Tục sai khác. Do đó sai khác này gọi là Không không, Không không cũng không: Không, không chính là tục đế sai khác, cũng không trở lại hòa hợp với Tục trở thành chân, giống như nung chảy đồ vật trang nghiêm trở lại làm thành bình vàng. Trong phần thứ ba chép: "Sở không cũng không": nghĩa là trong Không đầu tiên Không vốn hiển bày Tục, trong Không thứ hai Không vốn nói lên Chân, hai Không này Không hai cho nên nói là cũng Không, là hòa hợp một Đế hiển bày một pháp giới. Một pháp giới ấy gọi là Nhất Tâm. Nhưng trong môn Không đầu tiên vốn xả bỏ Tục ấy là tướng sở chấp, trong không thứ hai vốn hòa hợp Tục ấy là tướng Y tha. Tục có hai thứ tướng cho nên cái xả bỏ - cái hòa hợp chẳng phải là một. Lại, trong môn đầu tiên xả bỏ Tục đã hiển bày Chân, trong Không thứ hai hòa hợp Tục để hiển bày Chân. Hai môn này Chân chỉ là một không có hai, Chân chỉ có một loại thành tựu trọn vẹn thật tánh (viên thành thật tánh), vì lẽ đó xả bỏ hay hòa hợp vốn hiển bày chỉ có một. Không thứ ba ấy là chẳng phải Chân - chẳng phải Tục - chẳng phải Nhị - chẳng phải Nhất. Lại, ba không này - Không đầu tiên hiển bày Trung đạo Tục đế, Không thứ hai hiển bày Trung đạo Chân đế, Không thứ ba hiển bày nghĩa Trung đạo của chẳng phải Chân - chẳng phải Tục - Không phải bên - Không phải giữa. Nói "các Không Như thế" là nêu chung ba Không, không trụ vào Tục tướng, không trụ vào Chân tướng, cũng không trụ vào nơi tướng của không có hai, vì vậy nói là không trụ ba tướng. Như vậy không an trụ rốt ráo hiển bày Thật cho nên nói là không thể chân thật. Tuy chẳng thể không có chân thật mà chẳng phải là có chân thật. Vì như vậy nên đường Văn ngôn dứt. Nói là Đạo đoạn cũng không thể gởi gắm cho nên cũng nói rằng Bất khả tư nghị (không thể nghĩ bàn).

Kinh: "Đại lực Bồ-tát ngôn: Bất vô chân thật là tương ứng hữu"  
Bồ-tát Đại lực chép: Chẳng thể không có chân thật là tương ứng với có.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba nói về nghĩa Không, chẳng thể không có chân thật mà chẳng thể có chân thật. Trước hỏi - sau trả lời, ý hỏi mà chép: hễ nói về có - không chắc chắn cũng tương đối, chẳng thể có thì chắc chắn là không, chẳng thể không thì là có. Nếu nói chẳng thể không có lý của chân thật thì phải là có lý chân thật. Tất cả

những người học thường có chấp này, vì xả bỏ chấp kia nên có lời hỏi này.

Kinh: “Phật ngôn: Vô bất trụ vô, bất vô bất hữu chi pháp, bất tức trụ vô, bất vô chi tướng, bất tức trụ hữu, phi dĩ hữu vô nhi thuyên đắc lý. Bồ-tát! Vô danh nghĩa tướng không thể nghĩ bàn, hà dĩ cố? Vô danh chi danh bất vô ư danh, vô nghĩa chi nghĩa bất vô nghĩa”. Đức Phật nói: Không có không thể trụ vào không có, chẳng thể không có - chẳng thể có, pháp chẳng thể có không thể tức thì trụ vào không có, tướng chẳng thể không có không thể lập tức trụ vào có, chẳng thể dùng có - không mà giải thích được lý: Nay Bồ-tát! Tướng không có danh nghĩa không thể nghĩ bàn, tại vì sao? Vì danh của vô danh chẳng thể không có nơi danh, nghĩa của vô nghĩa chẳng thể không có nơi nghĩa.

**Luận chếp:** Trong trả lời có hai: 1. Chính là trả lời. 2. Khen ngợi sâu sắc. Trong phần đầu nói “Chẳng có không thể trụ vào không có”: Trong câu “chẳng thể không có chân thật” nói ở trước mới là tên gọi của không có, không thể trụ vào nghĩa không, thế nên tên gọi của chẳng thể không có trụ vào nghĩa không, cũng không thích hợp đối với nghĩa có. Vì điều này cho nên nói chẳng thể không có, chẳng thể có”, là nói về danh của vô danh không thích hợp với nghĩa của hữu nghĩa. “Pháp chẳng thể có, không thể tức liền trụ vào không có: Tuy hòa hợp Tục thành Chân mà không giữ lấy pháp Chân không. Tướng chẳng thể không có không thể tức liền trụ vào có” Tuy hòa hợp Chân trở thành chân của Tục mà không giữ lấy Tục có. Vì Chân - Tục không thể trụ vào có - không, nên chẳng thể không có lý vô nhị của chân thật. Vì Chân tục chẳng thể không có hai đế. Nên chẳng thể có lý vô nhị của chân thật. Cho nên chếp: Chẳng thể dùng có, không mà truyền bày được lý. Tức là nói về nghĩa của vô nghĩa không thể tương xứng với danh của vô danh. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là phần thứ hai khen ngợi sâu sắc. Trong đó có hai: Thẳng thắn khen ngợi - Giải thích khen ngợi - Danh của vô danh chẳng thể không có ở danh”: Đức Phật đã nói về danh không thích hợp với nghĩa của có nghĩa (hữu nghĩa) cho nên là danh của không có danh (vô danh), mà thích hợp với nghĩa của không có nghĩa (vô nghĩa) cho nên nói là chẳng thể không có ở danh. Nghĩa của vô nghĩa chẳng thể không có ở nghĩa: Nghĩa về Thể của Phật không tương xứng với danh của có danh (hữu danh) cho nên nghĩa của không có nghĩa (vô nghĩa), mà xứng hợp với danh của không có danh (vô danh) cho nên nói không thể ở nghĩa. Như vậy chẳng thể có danh - nghĩa mà cũng chẳng thể không có danh - nghĩa, căn cứ vào lý này nếu không thể nghĩ bàn

được vậy.

Kinh: “Đại lực Bồ-tát ngôn: Như thị danh nghĩa, chân thật như tướng Như-lai như tướng, như bất trụ như, như vô như tướng, tướng vô như cố, phi bất Như-lai, chúng sanh tâm tướng diệc Như-lai, chúng sanh chi tâm ưng vô biệt cảnh”. Bồ-tát Đại lực chép: Danh - nghĩa như vậy chân thật như tướng, tướng Như của Như-lai, Như không trụ vào Như, Như không có tướng Như, tướng không có Như, nên chẳng phải không Như-lai, tâm tướng chúng sanh - tướng cũng Như-lai, tâm của chúng sanh nên là không có cảnh riêng biệt.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ tư nói về nghĩa Chân chẳng thể có Như mà chẳng có không thể Như. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi cũng có hai: trước là lập ra đạo lý, sau là hỏi về những điều nghi ngờ. Nói danh nghĩa Như thị: Như trước đã nói về tướng không thể nghĩ bàn của danh - nghĩa. Danh - nghĩa tướng xứng không trái ngược không thay đổi cho nên gọi là chân thật. Danh - nghĩa như vậy xa lìa năng sở bình đẳng một vị cho nên gọi là Như Tướng. Danh - nghĩa như vậy bình đẳng Như tướng của Thế chư Phật Như-lai cho nên nói là Như-lai như tướng. “Như không trụ vào Như”: là nói về Như danh của không có danh (vô danh) thích hợp đối với Như nghĩa của không có Như (vô Như). “Như không có tướng Như, - tướng không có Như”: Tướng Như của không có tướng Như (vô như tướng) xứng hợp đối với Như danh của không có danh (vô danh), tướng xứng thích hợp năng sở bình đẳng, như vậy nên hoặc là danh - hoặc là nghĩa chẳng phải không là Như-lai. Tướng không có Như: Tướng Như không có Như, Như tướng chính là vô tướng làm Tướng. Nên biết rằng “Như không có tướng Như” là trình bày chẳng thể có vô tướng của Như. “Tướng không có Như vô”: Là nói chẳng thể có Như của vô tướng. Thể tướng của Như tuy là chẳng thể có mà cũng là thể tướng chẳng thể không có Như (vô như). Như vậy tướng Như của không có tướng Như (vô như tướng) mới tướng xứng Như danh của không có danh (vô danh). “Chúng sanh tâm tướng - tướng cũng Như-lai:” Nghĩa là tâm tướng phân biệt của các chúng sanh - tướng chính là chẳng phải tướng - không có gì không thể bình đẳng, vì thế cho nên tướng kia cũng là Như-lai. Trên đây chính thức lập ra đạo lý bình đẳng. Kế đến chép: Tâm của chúng sanh nên là không có cảnh riêng biệt: Là hỏi về những điều nghi ngờ. Tâm tướng chúng sanh đã là Như-lai, thì tâm chúng sanh lẽ ra không có cảnh riêng biệt. “Không có cảnh riêng biệt” ấy tức là không có phân biệt. Không có phân biệt cho nên thuận theo không có nhiễm ô. Không có nhiễm ô cho nên lập tức



không có ba cõi . Có dấy lên nghi ngờ này cho nên nêu câu hỏi này.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị chúng sanh chi tâm thật vô biệt cảnh, hà dĩ cố? Tâm bản tịnh cố lý vô ược cố; dĩ nhiễm trần cố danh vi ba cõi, ba cõi chi tâm danh vi biệt cảnh, thị cảnh luống đối cảnh luống đối từng tâm hóa sanh, tâm nhược vô vọng, tức vô biệt cảnh”. Đức Phật nói: Như vậy tâm chúng sanh thật sự không có cảnh phân biệt, tại vì sao? Vì tâm vốn thanh tịnh cho nên lý không ược tạp, vì nhiễm bụi nhơ cho nên gọi là ba cõi, tâm của ba cõi gọi là cảnh phân biệt, cảnh này luống đối từ tâm hóa sanh, tâm nếu không có vọng thì không có cảnh phân biệt.

**Luận chép:** Đây là trả lời những điều nghi ngờ, trước là cho, sau đoạt. Cho là y cứ vào tự tánh thanh tịnh, vốn không nhiễm ô. Đoạt là dựa theo tùy người khác nhiễm ô, vì có cảnh phân biệt. Tự tánh thanh tịnh: Như Luận Thật Tánh dẫn kinh chép: “Từng niệm từng niệm tâm thiện diệt không trụ vào, không bị phiền não làm cho ô nhiễm, từng niệm từng niệm tâm bất thiện diệt đi không trụ vào, không bị phiền não làm cho ô nhiễm, phiền não không tiếp xúc tâm - tâm không tiếp xúc phiền não, vì sao không tiếp xúc với pháp mà thường có thể ô nhiễm tâm?” Cho đến giải thích rộng tra, chính là môn nhiễm mà không thể nhiễm. Tùy tha nhiễm: Trong kinh Phú Nhân chép: “Tự tánh thanh tịnh tâm khổ có thể hiểu biết rõ ràng, tâm kia bị phiền não làm cho ô nhiễm cũng có thể hiểu biết rõ ràng”, chính là môn không thể nhiễm mà lại nhiễm. Tâm vốn thanh tịnh nên lý không ược tạp: Lý tự tánh tịnh tâm của Bốn giác chẳng phải nhập vào nơi của các trần ược tạp. Từ “Vì nhiễm trần v.v...” về sau làm mất đi những câu hỏi đó. Trong đó trước là hiển bày không giác ngộ mà nhiễm trần, sau là đối với không giác ngộ sơ lược chỉ ra Thử giác. Trong Bát giác nói “Vì nhiễm trần nên gọi là ba cõi”: Trụ địa phiền não sơ lược có ba thứ, đó là Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa. Vì trụ địa này khởi lên ái ba cõi, ái ba cõi cho nên tâm ba cõi phát sanh, do vọng tâm này, thay đổi làm thành cảnh luống đối. Vì điều này cho nên từ tâm hóa sanh. Kế đến nói về Thử giác. Nếu Tâm không có vọng: Vì dựa vào lý quán hành nên vọng tâm bất sanh khởi. Tức không có cảnh phân biệt: Vì vọng tạo thành cảnh giới nên tùy theo tâm mà diệt. Bốn môn trên đây hợp lại làm phần thứ nhất mở rộng nghĩa về Thật Tế.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Tâm nhược tại tịnh chư cảnh bất sanh, thử tâm tịnh thời ưng vô ba cõi. Phật ngôn: Như thị! Bồ-tát, tâm bất sanh cảnh, cảnh bất sanh tâm, hà dĩ cố? Sở kiến chư cảnh duy sở kiến tâm, tâm bất huyễn hóa tức vô sở kiến”. Đại Lực Bồ-tát chép: Nếu

Tâm đang tịnh thì các cảnh không thể sanh, lúc tâm này thanh tịnh thì sẽ không có ba cõi. Đức Phật nói: Đúng vậy! Đây Bồ-tát, tâm không thể sanh cảnh, cảnh không thể sanh tâm, tại vì sao? Vì các cảnh sở kiến ấy chỉ là tâm sở kiến, tâm không thể huyễn hóa tức là không có cảnh sở kiến.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai tức là mở rộng về nghĩa Thứ Nhập. Trong đó có bốn: 1. Nói chung về Thứ Nhập. 2. Hiển bày riêng về thứ nhập. 3. Xa lìa sai lầm về Nhập. 4. Lìa bỏ ngăn mé của Nhập. Trong phần Một có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi chép: “Lúc tâm này thanh tịnh, thì sẽ không có ba cõi”: Là từ Sơ Địa trở lên chứng cái thấy vốn là thanh tịnh, tùy theo những thích ứng có thể diệt đi, không có ba cõi. Sự tướng ba cõi: Hoặc ở tại Sơ Địa hoặc là Địa thứ tám mà đạt được diệt đi không có ba cõi. Tự tánh Ba cõi: Là trong địa vị Đẳng Giác mà được diệt đi không có, tập khí của ba cõi đến địa vị Diệu Giác mới diệt sạch không còn. Nghĩa này đầy đủ như chương về Nhị Chương giải thích. Trong phần trả lời chung thừa nhận cho nên nói như thế. Lúc ba cõi dứt sạch không còn thì tâm cảnh không thể sanh khởi lẫn nhau, Vì sao? Vì chỉ là tâm vọng thấy thay đổi tạo thành cảnh giới, lúc tâm không luống dối thì không thể dấy lên cảnh, cảnh giới không có cho nên tâm không thể sanh khởi.

Kinh: “Bồ-tát nội vô chúng sanh, tam tánh vắng lặng, tất vô kỷ chúng diệt vô tha chúng, nãi chí nhị thập diệt sanh tâm, đắc như thị lợi tức vô ba cõi”. Bồ-tát bên trong không có chúng sanh, ba tánh vắng lặng, không có chúng của mình cũng không có chúng của người, cho đến hai hòa nhập cũng không thể sanh khởi tâm, đạt được lợi ích như vậy tức là không có ba cõi.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai nói riêng về thứ nhập. Trong đó có hai: 1. Nêu chung ra số. 2. Hỏi đáp hiển bày riêng. Đây là văn phần đầu. Trong không có chúng sanh: Nghĩa là địa vị Thập Trụ đạt được Nội nhân Không. Ba tánh vắng lặng: Trong địa vị Thập Hạnh đạt được Nội pháp Không. “Thì không có chúng của mình cũng không có chúng của người: Địa vị Thập Hồi Hưởng đạt được Bình đẳng Không khắp mọi nơi xả bỏ chúng tự - tha - người - pháp. Nói Chúng là chúng sanh gọi là chúng, pháp của năm Ấm cũng gọi là năm chúng, là tương tự Không chưa được Chân chứng. Cho nên hai nhập: Là cùng nêu ra số Địa tiền và Địa thượng hòa nhập.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà nhị nhập bất sanh ư tâm, tâm bốn bất sanh vận hà hữu nhập? Phật ngôn: Nhị nhập giải nhất vị

lý nhập, nhị vị hành nhập. Lý nhập giả thâm tín chúng sanh bất dị chân tánh, bất nhất bất cộng, đản dĩ khách trần chi sở ế chướng, bất khứ bất lai ngưng trụ giác quán, đế quán Phật tánh bất hữu bất vô, vô kỷ vô tha phàm Thánh không hai, kim cương tâm địa kiên trụ bất di, vắng lặng vô vi hữu phân biệt, thị danh Lý nhập”. Đại Lực Bồ-tát chép: Vì sao hai nhập bất sanh ở tâm, tâm vốn bất sanh làm sao có nhập? Đức Phật nói: Hai nhập - một gọi là Lý nhập hai gọi là Hành nhập. Lý nhập là tin sâu sắc rằng chúng sanh không khác chân tánh, không là Một là không chung nhau, chỉ vì các chướng ngại che động khách trần, không đi không đến ngưng lại an trụ giác quán, quán sát kỹ càng Phật tánh chẳng phải có - không phải không có, không có mình - không có người khác phàm Thánh không hai, nơi tâm Kim cương kiên quyết an trụ không di động, vắng lặng vô vi không có phân biệt, đây gọi là Lý nhập.

**Luận chép:** Dưới đây là hỏi - đáp nói riêng. Trong phần hỏi có hai: trước hỏi - sau chất vấn. Trong phần đáp cũng có hai: Trước đáp - sau khơi thông. Trong đáp có ba: Nhắc lại số nêu ra tên gọi lần lượt phân rõ tướng. Trong này nói Lý nhập: Thuận theo lý tin hiểu chưa được chứng hành nên gọi là Lý nhập, địa vị ở Địa tiền. Hành nhập: Chứng lý tu hành nhập vào vô sanh hành nên gọi là Hành nhập, địa vị ở Địa thượng. Trong văn Lý nhập có bốn câu. Từ “Tín sâu sắc v.v...” trở xuống cho đến “bị chướng che lấp”, là Thập Tín nhập vào. Bất nhất: Nghĩa là tướng chúng sanh không khác chân tánh nhưng không phải là một. Bất cộng: Vì không phải vừa là một vừa là khác. Câu thứ hai nói “Không đến, không đi lắng đọng an trụ giác quán”, là Thập Trụ nhập vào, hiểu rằng chúng sanh Không cho nên không đến không đi, đối với môn nhân không an trụ tâm vắng lặng đó giác ngộ xét kỹ Phật tánh không có đi - đến (khứ lai). Câu thứ ba nói “Quán kỹ Phật tánh chẳng phải có chẳng phải không”, là Thập Hạnh nhập vào, đã đạt được pháp không dựa vào môn pháp Không quán sát kỹ càng Phật tánh, vì chẳng thể có pháp tướng, chẳng thể không có Không tánh. Câu thứ tư chép: “Không có tự, tha phàm Thánh không hai v.v...”, là nói về vị thập Hồi Hướng, lý nhập đã đạt được - tự tha bình đẳng Không nên tâm giống như Kim cương kiên quyết an trụ không lui sụt. Trong kinh Phạm Võng gọi là Thập Kim Cương, trong kinh Nhân vương gọi là Thập Kiên Tâm, là tên gọi khác của Thập Hồi Hướng.

Kinh: “Hành nhập giả tâm bất khuynh ý, ảnh vô lưu dịch, ư sở hữu xứ tịnh niệm vô cầu, phong cổ bất động do như đại địa, quyền ly tâm ngã cứu độ chúng sanh, vô sanh vô tướng bất thủ bất xả”. Hành nhập là

tâm không nghiêng về nương dựa, hình ảnh không có trôi lăn thay đổi, đối với tất cả nơi chốn ý niệm vắng lặng không có mong cầu, gió lay chẳng động giống như mặt đất, vứt bỏ xa lìa tâm ngã cứu độ chúng sanh, không có sanh khởi - không có tướng trạng - không lấy không bỏ.

**Luận chép:** Đây là nói về hành chứng nhập của Địa thượng - Tâm chẳng ngã nghiêng, dựa dẫm: Vì như lý trí tâm không níu bám duyên, vì thế tâm bám víu kéo duyên không thể sanh khởi. Ảnh không trôi lăn thay đổi: Cảnh như lý xa lìa ba thời gian (tam thế), vì thế cảnh tượng chuyển đổi không còn hiện nữa. Tất cả phước lạc thế gian cho đến quả Bồ-đề đại Niết-bàn, đối với tất cả điều này đều không mong cầu, vì thông suốt bình đẳng không có bên này bên kia, cho nên không bị gió cảnh giới làm cho dao động, là nói về tự lợi hành nhập. Từ “Bỏ lìa v.v...” trở xuống là khiến cho người khác nhập vào thật hành, vì chứng hai Không xa lìa tướng người - pháp, có thể rộng khắp mọi nơi cứu độ tất cả. Tuy tâm bất sanh khởi, cũng không có cảnh tượng, nhưng không giữ lấy tánh vắng lặng đó mà thường không xả bỏ đối với tất cả chúng sanh. Vì điều này cho nên nói là không lấy không bỏ. Hai hành như vậy gọi là hành nhập.

Kinh: “Bồ-tát! Tâm vô xuất nhập, vô xuất nhập tâm, nhập bất nhập cố cố danh vi nhập”. Nay Bồ-tát! Tâm không có ra vào, không có ra vào tâm, vì vào không vào, cho nên gọi là nhập vào.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai khởi thông các vấn nạn kia. Tâm chứng lý xa lìa sanh diệt không trước không sau cho nên tâm không có ra vào. Đã không có ra vào cũng không có tâm ra vào của ngày xưa cho nên không có ra vào tâm. Lìa bỏ ngày xưa có ra tâm, nhập vào tâm, tâm nhập vào cái không thể ra vào này nên nói là Nhập bất nhập nên gọi là nhập. Như vậy vấn nạn trước đây hiểu được dễ dàng.

Kinh: “Bồ-tát! Như thị nhập pháp, pháp tướng bất không, bất không chi pháp, pháp bất hư khí, hà dĩ cố? Bất vô chi pháp, cụ túc công đức, phi tâm phi ảnh, pháp nhĩ thanh tịnh”. Nay Bồ-tát! Như vậy nhập vào pháp, pháp tướng chẳng thể không, pháp chẳng thể không pháp chẳng thể giả dối bỏ đi, tại vì sao? Vì pháp chẳng thể không có, đầy đủ công đức, chẳng phải tâm chẳng phải ảnh, pháp nhĩ thanh tịnh.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba xa lìa sai lầm về chủ động nhập vào. Trong đó có hai: Sơ lược và giải thích rộng. Đây chính là nói lược. Như vậy nhập vào pháp: Nghĩa là hội nhập thật tế không có pháp ra vào, là chẳng thể không có pháp - năng sở bình đẳng xa lìa các sai lầm tai họa - đầy đủ các công đức. Phi tâm phi ảnh: Vì tâm - cảnh bình

đẳng xa lia năng sở. Pháp nhĩ thanh tịnh: Vì xa lia các tướng không có trước - không có sau.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà phi tâm phi ảnh pháp nhĩ thanh tịnh? Phật ngôn: Không như chi pháp, phi tâm thức pháp, phi tâm sử sở hữu pháp, phi không tướng pháp, phi sắc tướng pháp, phi tâm bất tương ứng pháp, phi tâm vô vi tương ứng pháp, phi sở hiện ảnh, phi sở hiển thị, phi tự tánh phi sai khác - phi danh - phi tướng nghĩa, hà dĩ cố? Như cố. Phi như chi pháp, diệc vô vô như, vô hữu vô như, phi vô như hữu, hà dĩ cố? Căn lý chi pháp, phi lý phi căn, ly chư tranh luận, bất kiến kỳ tướng. Bồ-tát như thị tịnh pháp, phi sanh chi sở sanh sanh, phi diệt chi sở diệt diệt”. Bồ-tát Đại Lực chép: Thế nào là chẳng phải tâm - chẳng phải ảnh - pháp nhĩ thanh tịnh? Đức Phật nói: Pháp của Không Như, chẳng phải pháp của tâm thức, chẳng phải các pháp của tâm sai khiến sở hữu, chẳng phải pháp Không tướng, chẳng phải pháp Sắc tướng, chẳng phải pháp bất tương ứng của tâm, chẳng phải pháp tương ứng tâm vô vi, chẳng phải các ảnh tượng hiện bày, chẳng phải những gì hiển bày, chẳng phải tự tánh - chẳng phải sai khác - chẳng phải danh - chẳng phải tướng nghĩa, tại vì sao? Vì là Như, nên pháp “không phải Như”, cũng không có, không có Vô như, chẳng phải Vô Như có, tại vì sao? Vì pháp của căn - lý, chẳng phải lý - chẳng phải căn, xa lia các sự tranh luận về không thấy tướng đó. Nay Bồ-tát, tịnh pháp như vậy, là chỗ sanh của chẳng phải sanh mà sanh, chỗ diệt của chẳng phải diệt mà diệt.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ nhất mở rộng giải thích về xa lia sai lầm. Đầu tiên hỏi - kế là đáp - thứ ba lĩnh hội - thứ tư nói về. Trung phần đáp có hai: Trước là giải thích về câu “chẳng phải tâm, chẳng phải ảnh”, sau là giải thích về câu “Pháp nhĩ thanh tịnh”. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là trình bày nhập vào pháp lia bỏ các tâm ảnh, sau là trình bày tâm ảnh không gì không phải Như lý. Trong phần đầu chép: “Pháp của Không Như”: Là lúc hội nhập thật tế xa lia các tướng nói là không, năng sở bình đẳng nói là Như. Như vậy nhập vào pháp lia bỏ các tâm ảnh. Tâm ảnh sai khác đại khái có sáu cặp: 1. Tâm và tâm sở là một cặp. 2. Hư không và sắc là một cặp. 3. Bất tương ứng hành và các vô vi là một cặp. 4. Ảnh hưởng cùng với bản chất là một cặp. 5. Tự tánh sai khác là một cặp. 6. Danh ngôn cùng với tướng nghĩa là một cặp. Trong sáu cặp này thì một cặp đầu tiên là chủng loại của tâm năng duyên, năm cặp sau là chủng loại ảnh sở duyên. Lia bỏ sáu cặp này cho nên chẳng phải tâm ảnh. Như thứ tự các câu đó có sáu cặp: Chẳng phải tâm

thức pháp”: Vì lìa bỏ tám thức tâm. “Chẳng phải tâm sở hữu pháp: Vì lìa bỏ sáu địa vị tâm sở hữu pháp. Chẳng phải không tướng pháp”: Lìa bỏ vô sắc tướng hư không pháp. “Chẳng phải sắc tướng pháp”: Lìa bỏ ba thứ sắc: Hiển, hình và biểu. “Chẳng phải tâm bất tương ứng pháp”: Lìa bỏ hai mươi bốn bất tương ứng Hành. “Chẳng phải tâm vô vi tương ứng pháp”: Lìa bỏ bảy loại vô vi pháp còn lại. Dựa vào tâm sở hiển bày cho nên gọi là tâm vô vi. Tướng của ba thứ vô vi tương ứng pháp cho nên gọi là Tương ứng pháp. Cũng lìa bỏ ba thứ Chân như pháp ấy là vì trong môn nhập chứng không có ba sai khác. “Chẳng phải ảnh hiện”: Vì lìa bỏ ảnh tượng của phân đồng pháp vốn có, đã hiển hiện của phương tiện quán. “Chẳng phải sở hiển thị”: Cũng lìa bỏ những pháp cốt tủy của bản chất đã hiển thị của ảnh tượng. “Chẳng phải tự tánh”: Vì lìa bỏ tự tánh của các sắc tâm v.v... “Chẳng phải sai khác”: Vì lìa bỏ các tướng sai khác của vô thường. “Chẳng phải danh”: Vì lìa bỏ các tướng năng thuyên danh, cú, văn. “Chẳng phải tướng nghĩa”: Vì lìa bỏ tướng sở thuyên về danh và nghĩa của danh thích đáng. Tại vì sao lìa bỏ tướng sáu cặp này: Vì năng sở bình đẳng không có sai khác cho nên nói là Vì như. Từ “Pháp chẳng phải Như v.v...” về sau là phần thứ hai nói về tâm -ảnh- pháp không có gì không thể như lý. “Pháp chẳng phải như”: Nghĩa là trước đây pháp tướng vốn chẳng phải sáu cặp. “Cũng không có vô như”: Vì Như lý thông suốt khắp nơi. “Không có Vô Như”: Vì không có một pháp nào có tướng mà không như lý ấy. “Chẳng phải Vô như có”: Giả sử có pháp vô Như có thể được làm có. Đã chẳng phải pháp của không phải Như thì không thật có là có. Từ “Vì sao?..” trở xuống là giải thích về nghĩa chẳng phải có (phi hữu). Căn ấy là gốc cây (thụ căn) dụ cho hạt giống. Lý ấy là thớ gỗ (mộc lý) dụ cho hiện pháp. Như quả Am la nói trong dụ trước kia. Lìa các tranh luận về không thấy tướng đó: Vì cầu mong giác tuệ không có gì đạt được. Hai phần trên đây mở rộng về chẳng phải tâm - ảnh. Từ “Tịnh pháp như vậy v.v...” trở xuống là kế đến mở rộng về pháp nhĩ thanh tịnh. Là chỗ sanh của phi sanh mà sanh. Câu dưới cũng vậy. Vì lìa tướng diệt nên thể chẳng phải diệt: Vì lìa bỏ tướng sanh cho nên Thể chẳng phải sanh. Cũng vậy pháp thanh tịnh lìa bỏ tướng hữu vi vô sanh vô diệt vô tử vô chung. Căn cứ vào nghĩa này cho nên pháp nhĩ thanh tịnh.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị pháp tướng bất hợp thành bất độc thành, bất ki bất bạn, bất tụ tán bất sanh diệt, diệt vô lai tướng cập dĩ khứ tướng, không thể nghĩ bàn”. Đại Lực Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn! Như vậy pháp tướng không hòa hợp mà

thành - không riêng rẽ mà thành, không ràng buộc không phụ họa, nhóm không tán bất sanh diệt, cũng không có tướng xảy ra cho đến tướng lìa bỏ, không thể nghĩ bàn.

**Luận chép:** Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Chẳng hợp thành ấy là chẳng phải tâm- chẳng phải tâm sở, vì tâm và tâm sở Thể khác nhau tương ứng. Chẳng riêng lẽ thành ấy là chẳng phải tự tánh - chẳng phải sai khác, vì hai nghĩa này riêng không có hai Thể. Chẳng buộc ràng là vì chẳng phải danh, chẳng phải nghĩa, danh nghĩa làm khách lẫn nhau. Chẳng phụ họa là chẳng phải ảnh, chất, vì ảnh chất tương tự nhau mà làm bạn. Chẳng tụ tán là vì chẳng phải Không - chẳng phải sắc, vì nhóm hợp là sắc - tán hoại là Không. Chẳng sanh diệt là vì chẳng phải bất tương ứng - chẳng phải vô vi, vì bất tương ứng thành là sanh khởi, các vô vi pháp diệt đi mà hiển bày. Đây là lĩnh hội nghĩa về lìa bỏ sáu cặp nói trước đây. Cũng không có tướng đến là vì sanh ra từ chỗ sanh của phi sanh. Cho đến tướng mất là vì chỗ diệt của phi diệt. Là lĩnh hội về “Pháp nhĩ thanh tịnh” nói sau đó. Đầu tiên nói Bất khả tư nghị: là như của chẳng phải như, lìa tâm mà nói. Sau nói bất khả tư nghị là lìa tâm của tâm cũng lìa bỏ cả hai.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị! Bất khả tư nghị, bất khả nghị. Tâm tâm diệt như thị, hà dĩ cố? Như bất dị tâm tâm bốn như cố”. Đức Phật nói: Đúng vậy! Không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn Tâm tâm cũng như vậy, tại vì sao? Vì Như chẳng khác tâm - tâm vốn là Như.

**Luận chép:** Đây là phần thứ tư nói về thành tựu. Như thứ tự đó nói về về hai thứ câu Bất tư nghị kia. Cái gọi là Tâm ấy, nghĩa là tâm nhập vào chứng thật, tâm của vô tâm nhập vào nơi không thể nhập vào cho nên Bất tư nghị. “Như chẳng khác tâm” là giải thích Bất tư nghị ở trước, “Vì tâm vốn Như” là giải thích bất tư nghị ở sau.

Kinh: “Chúng sanh Phật tánh bất nhất bất dị, chúng sanh chi tánh bốn vô sanh diệt, sanh diệt chi tánh tánh bốn Niết-bàn, tánh tướng bốn như như vô động cố”. Phật tánh và tánh chúng sanh không phải một không phải khác, tánh của chúng sanh vốn bất sanh diệt, tánh của sanh diệt là tánh vốn có Niết-bàn, tánh tướng vốn là Như Như không có biến động.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ tư lìa bỏ ngần mé đã Nhập. Trong đó có hai: Trước là nói về Phật tánh lìa bỏ ngần mé một khác, sau là hiển bày Như Như lìa bỏ ngần mé Hữu - Vô. Trong phần đầu có hai: trình bày Sơ lược và nói rộng. Đây chính là nói lược, trong này cũng có hai. Trước là lìa bỏ một khác, sau là giải thích lìa bỏ khác. Là một khác:

Nghĩa là vì chúng sanh cùng Phật tánh không một mà cũng không phải khác. Nói Phật tánh ấy là Chân như Phật tánh. Như trong kinh Niết-bàn chép: “Phật tánh ấy gọi là Đệ nhất nghĩa Không, hoặc là một hoặc là khác đều có sai lầm”. Tánh của chúng sanh vốn bất sanh diệt: Dưới đây giải thích nghĩa về lìa khác vì nghĩa của không một (bất nhất dễ dàng có thể thấy. Câu này trình bày con người không khác nhau Phật tánh. “Tánh của sanh diệt là tánh vốn có Niết-bàn”: Là nói về sanh tử không khác Niết-bàn. Tánh tướng vốn như như không động: Là tánh người của chúng sanh (nhân tánh) sanh diệt mà pháp tướng xưa nay là Như cho nên không khác.

Kinh: “Nhất thiết pháp tướng tòng duyên vô khởi, khởi tướng tánh như như vô sở động, nhân duyên tánh tướng tướng bốn không vô, duyên duyên không không vô hữu duyên khởi, nhất thiết duyên pháp hoặc tâm vọng kiến, hiện bốn bất sanh duyên bốn vô cố, tâm như pháp hoặc tâm vọng kiến, hiện bốn bất sanh duyên bốn vô cố, tâm như pháp lý tự thể không vô, như bĩ không vương bốn vô trụ xứ, phàm phi chi tâm vọng phân biệt kiến”. Tất cả pháp tướng từ duyên không khởi lên, khởi lên tướng tánh Như Như không hề bị biến động, nhân duyên tánh tướng - tướng vốn là không không có, duyên duyên Không Không không có duyên khởi, tất cả duyên pháp mê hoặc tâm vọng nhìn thấy, hiện tại vốn bất sanh - duyên vốn không có, Lý của Tâm - Như - Pháp tự Thể không có, như chúa tể hư không kia vốn không có trụ xứ, tâm của phàm phu vọng phân biệt mà thấy.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai nói rộng. Trong đó chỉ mở rộng về nghĩa lìa bỏ mé khác. Tất cả pháp tướng từ duyên mà sanh ra, tất cả quả pháp từ duyên mà có cho nên chính là không có sanh khởi, khởi lên tướng tánh Như Như không hề bị biến động. Xuống dưới nói về năng khởi các duyên cũng Không. Nhân duyên tánh tướng, tướng vốn vắng lặng không có: Vì hạt giống nhân duyên không gì vốn có. Duyên duyên không không không có duyên khởi: Sở duyên duyên pháp chẳng phải một mà rất nhiều chẳng gì không đều là Không cho nên nói Không Không. Vì vậy cho nên không có năng khởi của duyên. Tất cả duyên pháp hoại tâm vọng kiến: Nghĩa là Tăng thượng duyên và vô gián duyên chỉ là tâm vọng nhìn thấy cho nên cũng Không. Hiện vốn bất sanh duyên vốn không có: Kết thành hai không, Duyên vốn hiện rõ quả xưa nay bất sanh, năng khởi các duyên xưa nay không có. Lý của tâm như pháp tự thể vắng lặng không có: Trước nói về nhân quả là pháp sở thủ, pháp sở thủ không có cho nên tâm năng thủ cũng Không. Như



nói của pháp sử thủ đạo lý Không, Thể của tâm năng thủ cũng vậy. Bên trên là pháp nói, dưới đây dẫn thí dụ. Nói không vương là Không có hai thứ: 1. Không giới, nghĩa là Sắc sáng tỏ - tối tăm. 2. Không vương, nghĩa là pháp hư không làm nơi nương dựa cho tất cả Sắc. Như vị vua là nơi nương tựa của mọi người dân vì thế nói hư không gọi là không vương. Như thế không vương vốn không có trụ xứ mà phạm phủ vọng suy nghĩ phân biệt, hư không nơi này - hư không nơi kia chỉ là luống dối thấy chấp. Không có đây, kia, nhân quả các pháp nên biết rằng cũng thế, vọng tâm giữ lấy không có nhân - không có quả, đều là dựa theo nhân quả biến kế sở chấp, mà làm thí dụ về chỗ vọng thấy này.

Kinh: “Như như chi tướng bốn bất hữu vô, hữu vô chi tướng kiến duy tâm thức. Bồ-tát! Như tâm chi tánh, bất vô tự thể, tự thể bất hữu, bất hữu bất vô. Bồ-tát! vô bất vô tướng, phiênngôn nói địa, hà dĩ cố? Chân như phi pháp hư khoáng vô tướng, phi nhị sở cập”. Tướng của Như Như vốn chẳng thể có - không tướng của có - không nhìn thấy chỉ là Tâm thức. Nay Bồ-tát! Tánh của tâm Như, chẳng thể không có tự thể, tự thể chẳng thể có, chẳng thể có - chẳng thể không có. Nay Bồ-tát! Không có gì chẳng thể không có tướng, chẳng phải nơi ngôn nói, tại vì sao? Vì pháp của Chân Như rộng rãi khoáng đấng không có tướng, chẳng phải nơi đạt đến của hai sở hành tâm tứ.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai nói về pháp Như Như lia bỏ ngằn mé có - không. Trong đó có bốn: Câu đầu tiên chính thức nói về Như Như lia bỏ ngằn mé. Câu kế là trở lại đưa ra có ngằn mé là vọng. Thứ ba dẫn ra tâm lia bỏ ngằn mé làm ví dụ. Thứ tư trở lại trình bày Như Như xa lia ngôn từ. Trong phần thứ ba nói “Tánh của tâm Như”: Cũng như Thể tánh của nhất tâm vậy. “Chẳng thể không có tự thể”: Nghĩa là vì lia bỏ ngằn mé không có tự Thể giống như sừng thỏ. “Tự thể chẳng thể có”: Nghĩa là lia bỏ ngằn mé có tự Thể giống sừng trâu. Chẳng phải nói là Tha tướng không có cho nên chẳng thể có - do đó nói tự Thể chẳng thể có mà thôi. “Chẳng thể có, chẳng thể không có”: Chẳng thể có tức là chẳng thể không có, chẳng thể không có tức là chẳng thể có. Căn cứ vào nghĩa này cho nên lại kết hợp trình bày vậy. Tâm - Pháp như nhất chẳng thể có - chẳng thể không có, lý của Như Như cũng giống như vậy, vì thế cho nên đầu câu nói là Tâm Như. Từ “Không có gì chẳng thể không có tướng, không phải chỗ ngôn nói v.v...” trở xuống là phần thứ tư trở lại nói về đạo lý Như Như xa lia ngôn từ. “Không có gì chẳng thể không có tướng”: Nói về “Vốn chẳng thể có không có” trong câu đầu tiên, vì chẳng phải là nơi các loại lời lẽ yên ổn đạt tới. “Chẳng phải

hai sở hành hiểu kip”: Vì chẳng phải sở hành của hai thứ tâm, tứ. Hai pháp tâm, tứ là ngôn ngữ đạt tới. Chẳng phải là hai sở hành này cho nên không phải chỗ của ngôn từ nói năng.

Kinh: “Hư không cảnh giới, nội ngoại bất trắc, lục hành chi sĩ nãi năng, tri chi”. Cảnh giới hư không, trong ngoài không thể suy lường, người có đức hạnh của sáu hành mới có thể biết được.

**Luận chép:** Dưới đây là phần lớn thứ ba về tầng bậc địa vị của Nhập. Trong đó có bốn: 1. Nói về sở nhập sâu xa. 2. Nêu ra hành của vị năng nhập. 3. Nói riêng về tầng bậc địa vị. 4. Đối chiếu nói về tâm Nhập. Trong phần đầu chép: “Hư không cảnh giới”: Nghĩa là pháp của Như Như rộng rãi khoáng dãng không có tướng cho nên gọi là Hư không. Nội ngoại chẳng thể lường: Nghĩa là hai mươi tám bậc Thánh nội đạo và chín mươi lăm loại trong ngoại đạo, hạng phàm Thánh này không thể nào suy lường được. Trong phần thứ hai nói “Bậc sĩ của sáu hành mới có thể biết”: Là nêu ra tầng bậc địa vị hai Nhập của hàng Bồ-tát.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà lục hành nguyện vi nói chi. Phật ngôn: Nhất giả thập tín hành, nhị giả thập trụ hành, tam giả thập hạnh hành, tứ giả thập hồi hướng hành, ngũ giả thập địa hành, lục giả đẳng giác hành. Như thị hành giả nãi năng tri chi”. Bồ-tát Đại Lực chép: Thế nào là sáu hành, nguyện giảng nói cho điều đó! Đức Phật nói: Một là thập Tín hành, hai là thập Trụ hành, ba là thập Hạnh hành, bốn là thập Hồi hướng, năm là thập Địa hành, sáu là Đẳng Giác hành. Người thật hành như vậy mới biết được.

**Luận chép:** Đây là phần thứ ba nói riêng về tầng bậc địa vị. Chỉ có hiển bày hành vị mà không nói về quả vị đó, cho nên không chọn lấy địa vị của Diệu Giác. Trong sáu Hành này thì bốn địa vị trước là Lý nhập của tầng bậc dưới thấp, hai địa vị sau là Hành nhập sai khác. Trong đó nghĩa sơ lược ở kinh Bốn Nghiệp, nghĩa phân biệt rộng, xuất xứ từ giáo Hoa Nghiêm.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Thật tế giác lợi vô hữu xuất nhập, hà đẳng pháp tâm đắc nhập thật tế? Phật ngôn: Thật tế chi pháp pháp vô hữu tế, vô tế chi tâm tắc nhập thật tế”. Bồ-tát Đại Lực nói: Thật tế giác lợi không có ra vào, pháp - tâm hạng nào có thể hội nhập thật tế? Đức Phật nói: Pháp của thật tế - pháp không có ranh giới, tâm không có ranh giới thì hội nhập thật tế.

**Luận chép:** Đây là phần thứ tư đối chiếu nói về tâm Nhập. Trong câu hỏi nói “Thật tế giác lợi không có ra vào”: Nêu lên hai địa vị sau đạt được hai lợi hành và lý tương xứng với nghĩa không có ra vào. Pháp

tâm hạng nào có thể hội nhập thật tế: Trong đó chính là hỏi về tâm - pháp năng nhập. Trong trả lời nói “Pháp của thật tế pháp không có ranh giới”: Là nêu lên pháp sở nhập. Vì pháp như thế không có ranh giới (vô tế), chiều dọc thì không có thời gian trước sau không có bắt đầu không có cuối cùng cho nên lia bỏ thời gian ba đời, chiều ngang thì không có ranh giới, đây kia không chính giữa không bên cạnh cho nên lia bỏ nơi chốn sáu phương; rất sâu không có bến bờ không có giới hạn nào không thể xa lia, rộng lớn không có ranh giới không có nơi nào không thể cùng khắp. Đây đủ bốn nghĩa này cho nên nói là vô tế. Tâm của năng nhập cũng có đủ bốn nghĩa, cho nên đối với thật tế không có nơi nào không thể hội nhập. Nên biết rằng thật tế xa lia ngàn mé năng sở, tâm cũng như thế xa lia ranh giới năng sở, tức là không có hội nhập đó mới có thể hội nhập được, thì gọi là nghĩa không thể nghĩ bàn.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vô tế tâm trí, kỳ trí vô nhai, vô nhai chi tâm, tâm đắc tự tại, tự tại chi trí đắc nhập thật tế; như bỉ phạm phu duyên tâm chúng sanh, kỳ tâm đa suyễn dĩ hà pháp ngự linh đắc kiên tâm đắc nhập thật tế?”. Bồ-tát Đại Lực nói: Tâm trí không có ranh giới, trí đó không bến bờ, tâm không bến bờ, tâm được tự tại, trí của tự tại được hội nhập thật tế, nếu như phạm phu kia tâm chúng sanh yếu hèn, tâm đó nhiều vọng vã thì dùng pháp gì điều khiển làm cho tâm được vững chắc có thể hội nhập thật tế?

**Luận chép:** Dưới đây là phần lớn thứ tư về phương tiện hội nhập. Nhập phương tiện: Địa vị ở tại bốn địa vị Địa tiền, phương tiện quán bên trong môn lý nhập. Trong đó có hai: Trước là nói về phương tiện năng nhập, sau là nói về phương tiện thắng lợi. Trong phần đầu cũng có hai: Trước sơ lược - Sau mở rộng. Trong phần sơ lược trước là hỏi, trong hỏi cũng có hai: 1. Lĩnh hội đối với trước đây. 2. Hỏi đối với sau đó. Trong lĩnh hội nói “vô tế” là vì Thể của tâm không có ranh giới. Vô nhai là Dụng của trí không có bến bờ.

Kinh: “Phật Ngôn: Bồ-tát! Bỉ tâm suyễn giả dĩ nội ngoại sử, tùy sử lưu chú, trích lịch thành hải, thiên phong cổ lãng, đại long kinh hãi, kinh hãi chi tâm cố linh đa suyễn. Bồ-tát! Linh bỉ chúng sanh tồn tam thủ nhất, nhập Như-lai thiên, dĩ thiên định cố tâm tắc vô suyễn”. Đức Phật nói: Nay Bồ-tát! Tâm kia là vì kiết sử trong ngoài, tùy theo kiết sử trôi lăn rót vào. Nhỏ giọt dần thành biển, gió trời làm nổi sóng, rùng rợn kinh hãi, tâm kinh hãi cho nên khiến nhiều vọng vã. Nay Bồ-tát! Khiến cho chúng sanh kia giữ lại Ba là vâng theo một, nhập vào Như-lai thiên, vì thiên định cho nên tâm sẽ không có vọng vàng.

**Luận chép:** Trong phần trả lời có hai: Trước là đưa ra các tướng sửa trị chướng, sau là chỉ rõ phương tiện có thể sửa trị. Trong phần đầu nói “Tâm suyễn” là tâm kinh sợ không yên ổn hơi thở ra vào rất nhanh nói là đa suyễn, để dụ cho sáu Thức thay đổi biến động không dừng. Nội ngoại sử: Vì bốn sử Mạt-na bên trong duyên với tự ngã, sáu sử ý thức bên ngoài duyên theo các cảnh. Tùy sử chảy rót: Nghĩa là các tiểu tùy phiền não như phần hận v.v... những đại tùy phiền não chìm xuống nổi lên đó, và trung tùy phiền não vô tầm quý tùy theo các sử di chuyển chứa nhóm rót vào Thức hiện tại. Nhỏ giọt dần thành biển: Bởi các sử, tùy Hoặc vốn có tất cả hiện hành đều xông ướp Thức hiện tại chứa nhóm sâu rộng. Gió trời làm nổi sóng: Nghiệp lực sở cảm cảnh giới sáu trần mặc ý chuyển vận hiện hành cho nên gọi là gió trời kích động, biển cả tùy miên khơi dậy làn sóng bảy Thức cho nên nói làm cho nổi sóng. Rộng lớn kinh hải: Năng lực Vô minh trụ địa của nó lớn nhất trụ ở đáy biển tùy miên của bốn thức cho nên gọi là Rộng lớn. Như vậy vô minh trái với vắng lặng thường, có thể tăng thêm tâm của thô động cho nên nói là kinh hải. Do các duyên này làm cho tâm thường gấp gáp. Đây là khiến cho biết những tướng sửa trị về chướng. Từ đây trở xuống là chỉ ra phương tiện có thể sửa trị đó. Giữ lại ba là phương tiện có thể ngăn dứt gió trời. Giữ lại một là phương tiện có thể chế phục rộng lớn. Nhập Như-lai thiền ấy là phương tiện chủ yếu sửa trị thường vội vàng.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Hà vị tồn tam thủ nhất nhập Như-lai thiền? Phật ngôn: Tồn tam giả tồn giải thoát, thủ nhất giả thủ nhất tâm như, nhập Như-lai thiền giả lý quán tâm như, nhập như thị địa tức nhập thật tế”. Đại Lực Bồ-tát chép: Cái gì là giữ lại ba là vâng theo một là nhập vào Như-lai thiền? Đức Phật nói: Giữ lại ba là giữ lại ba giải thoát, vâng theo một là vâng theo một tâm như, nhập vào Như-lai thiền ấy là lý quán tâm như, nhập vào nơi như vậy tức là nhập vào thật tế.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai mở rộng hiển bày phương tiện. Có ba lần hỏi - đáp. Trong lần đầu tiên này nêu chung lên số. Thủ nhất tâm như: Trong pháp Nhất tâm có hai chủng loại. Nay trước tiên vâng theo môn tâm chân như, để chế phục thế lực của con rộng lớn vô minh, vì vô minh chính là không nhận ra Nhất tâm Như. Trong này Thủ ấy là lúc nhập vào vắng lặng tuân giữ cảnh Nhất Như, lúc đi ra không đánh mất tâm của Nhất vị, cho nên nói là Thủ Nhất. Như trong phần Thập Hạnh của kinh Bốn nghiệp chép: “Thập là vì tự tại xoay bánh xe Đại pháp. Đó gọi là Bồ-tát Tam bảo. Bồ-tát lúc bấy giờ ở tại trí Trung đạo đệ nhất là giác bảo, tất cả các pháp bất sanh khởi dao động qua

lại tức là pháp bảo; thường lưu động trong sáu đường hòa hợp cùng với chúng sanh sáu đường, gọi là Tăng bảo, đưa chuyển tất cả chúng sanh chảy vào biển cả Phật pháp”. Xét rằng: Ba thời không mất đi một vị Trung đạo chính là công dụng tuân giữ một cửa pháp quán này. Pháp quán này ở tại địa vị Thập Hạnh. Các môn khác về sau hiển rõ nên trong này không luận đến.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Tam giải thoát pháp thị hà đẳng sự, lý quán Tam-muội từng hà pháp nhập? Phật ngôn: Tam giải thoát giả hư không giải thoát - kim cương giải thoát - Bát-nhã giải thoát. Lý quán tâm giả tâm như lý tịnh vô khả bất tâm. Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà tồn dụng vân hà quán chi? Phật ngôn: Tâm sự không hai thị danh tồn dụng, nội hành ngoại hành xuất nhập không hai, bất trụ nhất tướng tâm vô đặc thất, nhất bất nhất địa tịnh tâm lưu nhập, thị danh quán chi”. Bồ-tát Đại Lực chép: Pháp của ba giải thoát là sự việc như thế nào lý quán Tam-muội từ pháp nào hội nhập? Đức Phật nói: Ba giải thoát ấy là Hư không giải thoát - Kim cương giải thoát - Bát-nhã giải thoát. Lý quán tâm ấy là tâm như lý thanh tịnh không có gì có thể chẳng là tâm. Bồ-tát Đại Lực chép: Thế nào còn dụng, thế nào quán sát? Đức Phật nói: Tâm và sự không hai thì gọi là còn dụng, nội hành ngoại hành ra vào không hai, không trụ vào một tướng thì tâm không có được mất, nơi một không một mà tâm thanh tịnh trôi lăn hội nhập thì gọi là quán sát.

**Luận chép:** Hai lần hỏi đáp này nói riêng về quán hành. Trong phần trả lời trước nói “Ba giải thoát”: Tức là ba tuệ thâm nhiếp tám giải thoát cho nên gọi là Giải thoát. Như trong phần Thập Trụ của kinh Bốn Nghiệp chép: “Sáu là được chư Phật che chở. Gọi là tám giải thoát quán: Văn tuệ đạt được hai tướng nội giả - ngoại giả không thật có, là một giải thoát, Tư tuệ bên trong năm ấm pháp - bên ngoài tất cả pháp không thật có là hai giải thoát, Tu tuệ sáu quán đầy đủ sắc giới năm ấm Không là ba giải thoát, bốn Không năm ấm và diệt định quán không thật có; năm là giải thoát như tướng. “Xét rằng: Tám giải thoát quán sơ lược có hai môn: Nếu căn cứ sự tướng chỉ có Tu tuệ quán, thì chung cả Nhị Thừa, như nơi khác giải thích. Nếu dựa theo ba tuệ quán Nhân Không - Pháp Không, là quán Đại thừa Như văn đây nói. Giải thoát đầu tiên là trong có sắc tướng, bên ngoài quán các sắc, nghĩa là bên trong còn các sắc, pháp tướng năm ấm quán sát Nội Ngã Không, bên ngoài còn các sắc quán sát chúng sanh Không, Không này dễ dàng nhập vào là sở đắc của văn Tuệ, vì thế nói “Văn tuệ đắc nội giả, ngoại giả hai tướng không thật có”. Không xả bỏ các sắc, dùng quán không

có tựa như hư không cho nên không xả bỏ sắc tướng, giải thích đây là Hư không giải thoát. Giải thoát thứ hai: Bên trong không có sắc tướng - ngoài quán sát các sắc. Trong xả bỏ các pháp tướng năm ấm sắc... bên ngoài quán tất cả núi sông đều không, các pháp cõi Dục không có pháp nào không là Không, Không này khó hiểu - là pháp quán của Tư Tuệ, vì thế nói là “Tư Tuệ pháp năm ấm bên trong tất cả pháp, bên ngoài không thật có”. Suy xét tìm tòi phân tích làm rõ các pháp trong ngoài, giống như Kim cương san bằng các sắc pháp, vì thế cho nên gọi là Kim cương giải thoát. Sáu thứ giải thoát sau đều là Tu tuệ. Quán tất cả các pháp của hai cõi trên đều Không cho nên nói là Tu tuệ. Sáu quán đều là Tu tuệ dựa vào Định mà phát khởi, vì thế cho nên gọi chung là Bát-nhã giải thoát. Sáu thứ trong đó sai khác về tướng. Thứ ba gọi là Tịnh giải thoát: Thân tác chứng năm ấm cõi sắc sáng ngời sạch sẽ vắng lặng, quán tất cả đều Không vì thế gọi là Tịnh giải thoát. Tự bên trong đã chứng gọi là thân tác chứng, nói là “Đây đủ sắc giới ngũ ấm không là ba giải thoát”. Thứ tư gọi là Không xứ giải thoát: Vì quán không xứ năm ấm đều không, cho đến Phi Tưởng giải thoát cũng như thế. Quán diệt định pháp cũng không thật có, cho nên gọi là Diệt tận giải thoát, đều từ những xả bỏ để lập ra lên tên gọi đó, vì vậy nói là “Bốn không năm ấm và diệt định quán đều không thật có”. Năm là giải thoát như tướng. Như vậy ba tuệ quán Nhân Không - Pháp Không, chế phục lia bỏ hai ràng buộc hiện hành của hai chấp cho nên gọi là giải thoát. Đã xả bỏ tất cả giả pháp trong ngoài, có thể ngăn dứt các cảnh gió tự nhiên thổi đến kích động. Trong Lý quán nói “Tâm như lý tịnh không có gì không thể là tâm: Vì thuận theo lý vô tướng nên tâm không có phân biệt. Trong phần trả lời sau nói “Tâm sự không hai gọi là còn dụng”: Đây gọi là còn lại ba công dụng hơn hẳn khả năng. Nếu người chưa đạt được ba công dụng giữ lại ba, tâm yên lặng quán Không vượt qua sự thất niệm, giữ lấy ngã và Ngã sở đắm vào cảnh trái thuận, gió tự nhiên làm cho dao động nên tâm và sự đều khác nhau. Nếu người có thể tu tập thành thực ba giải thoát, ra khỏi quán vượt qua sự quán khí thế hãy còn không giữ lấy tướng của tự - tha, không đắm vào cảnh tốt - xấu, vì vậy không bị gió trời kích động. Vào ra cùng quên tâm - sự không hai, như vậy mới gọi là công dụng giữ lấy ba, là quán như tu ở tại địa vị Thập Tín, dụng còn lại được thành tựu ở tại địa vị Thập Trụ, như trong phần Thập Trụ vị của kinh Bốn Nghiệp lập ra pháp quán này. Từ “Nội hành v.v...” “về sau là trả lời câu hỏi thứ hai để trình bày tướng quán. Nội hành là tiến hành nhập vào quán vắng lặng chiếu soi. Ngoại hành là tiến hành ra khỏi

quán cảm hóa người khác. Hoặc là ra hoặc là vào không mất đi Trung đạo cho nên nói là Không hai. Như trong phần thập Hưởng của kinh Bốn Nghiệp chép: “Hòn toàn dùng tuệ tự tại cảm hóa tất cả chúng sanh, đó gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Trong chốn Bát-nhã mà quán sát, thấu suốt tất cả các pháp mà không có hai, tuệ đó từng bước chuyển nhập vào Thánh địa cho nên gọi là Tương tự đệ nhất nghĩa quán, mà không phải thật sự Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán”, cho đến nói rộng ra. Không thể trụ nhất tướng là vì hai đế quán. Tâm không có được mất là vì bình đẳng quán. Vì dựa vào hai thứ phương tiện quán này, tiến vào trong dòng nước pháp tuôn chảy của Sơ Địa, cho nên nói nơi một, không là một mà tịnh tâm lưu nhập...” Như kinh đó nói chép: “Tam quán ấy là từ Giả nhập vào Không gọi là Nhị đế quán, từ Không nhập vào Giả gọi là Bình đẳng quán, là hai quán phương tiện đạo. Dựa vào hai Không quán này được nhập vào Trung đạo đệ nhất nghĩa quán, cả hai soi chiếu hai đế tâm tâm vắng lặng tiến vào trong dòng nước pháp tuôn chảy của Sơ Địa”, cho đến nói rộng ra. Xét rằng: Hai đế quán trong này là xả bỏ Tục quán sát Chân, chính là phương tiện của Chánh thể trí. Bình đẳng quán là dung hòa Chân quán sát Tục, tức là phương tiện của Hậu đắc trí. Quán sát tục như huyễn hóa không giữ lấy được, mất không thích hợp không chối bỏ cho nên gọi là Bình đẳng. Nói nơi một, không là một là tên gọi khác của Sơ Địa. Vì sao như vậy? Vì Sơ Địa tức là Thập địa, ngay một lúc lập tức nhập vào mười tầng pháp giới. Thập Địa chính là Sơ Địa, vì thẳng thắn dùng khắp nơi đầy đủ (biến mãn) làm Sơ môn nhập vào. Vì Thập Địa chính là Sơ địa cho nên gọi là Nhất, Sơ Địa chính là Thập Địa cho nên Bất nhất. Vì thế cho nên gọi là “nơi một, không là một”. Dựa vào hai phương tiện để làm sạch tâm đó, từ đây trôi lăn nhập vào một nơi Một là không phải một. Vì điều này cho nên nói Tịnh tâm lưu nhập. Trong này chỉ mở rộng hai quán trước sau, một quán ở giữa theo đó có thể biết được.

Kinh: “Bồ-tát! Như thị chi nhân bất tại nhị tướng, tuy bất xuất gia bất trụ tại gia cố, tuy vô pháp phục bất cụ trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa, bất nhập Bồ tát năng dĩ tự tâm vô vi tự tứ nhi hoạch Thánh quả, bất trụ nhị thừa nhập Bồ-tát đạo, hậu đương mãn địa thành Phật Bồ-đề”. Này Bồ-tát! Người như vậy không còn hai tướng, tuy chẳng xuất gia mà không trụ ở tại gia, tuy không có pháp phục, không thể giữ gìn đầy đủ giới Ba-la-đề-mộc-xoa, không nhập vào bố tát mà có thể dùng tự tâm vô vi tự tứ mà đạt được Thánh quả, không trụ Nhị thừa mà nhập vào đạo Bồ-tát, về sau sẽ đầy đủ địa vị thành tựu Bồ-đề quả Phật.

**Luận chép:** Dưới đây là phần lớn thứ hai về phương tiện thắng lợi. Trong đó có bốn: 1. Thắng lợi đạt được quả. 2. Thắng lợi được cung cấp. 3. Thắng lợi không có tai họa. 4. Thắng lợi không trụ lại. Đây chính là thắng lợi thứ nhất đạt được quả. Trong phần đầu cũng có bốn loại thắng lợi: 1. Thắng lợi lia bỏ ngăn mé, vì không rơi vào tướng hai bên đạo tục. Như kinh nói “Người như thế ... cho đến “không trụ ở tại gia”. 2. Thắng lợi tự tại, vì không bị sự ràng buộc của giáo môn và giới luật, có thể dùng tự tâm phân định đạo lý, vắng lặng thuận theo tự nhiên mà không có gì không làm. Như kinh nói “Tuy không có pháp phục v.v...” cho đến “Mà được Thánh quả”. 3. Thắng lợi nhập đạo, như kinh nói “Không trụ Nhị thừa mà nhập Bồ-tát đạo”. 4. Thắng lợi đạt được quả, vì như kinh nói “Về sau sẽ viên mãn thành tựu Bồ-đề quả Phật”.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị chi nhân phi xuất gia phi bất xuất gia, hà dĩ cố nhập Niết-bàn trạch, trước Như-lai y, tọa Bồ-đề tòa? Như thị chi nhân nãi chí Sa-môn nghi ứng kính dưỡng. Phật ngôn: Như thị hà dĩ cố? Nhập Niết-bàn trạch tâm khởi ba cõi, trước Như-lai y nhập pháp không xứ, tọa Bồ-đề tòa đăng chánh giác nhất địa. Như thị chi nhân tâm siêu nhị ngã, hà hướng Sa-môn nhi bất kính dưỡng?”. Đại Lực Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn! Người như vậy chẳng phải xuất gia - chẳng phải không xuất gia, tại vì sao nhập vào nhà Niết-bàn, mặc áo Như-lai, ngồi tòa Bồ-đề? Người như vậy cả đến Sa-môn nên thuận theo cung kính hầu hạ Đức Phật nói: Đúng vậy, vì sao? Vì nhập vào nhà Niết-bàn tâm vượt khỏi ba cõi, mặc áo Như-lai nhập vào chỗ pháp Không, ngồi tòa Bồ-đề bước lên Nhất địa Chánh giác. Người như vậy tâm vượt trên hai ngã, hướng chi Sa-môn mà không cung kính hầu hạ?

**Luận chép:** Dưới đây là thắng lợi thứ hai được cung dưỡng. Vì đạt được ba đức thù thắng có thể làm ruộng phước, tiếp nhận sự cung dưỡng của tất cả đạo tục. Ngay nơi văn có ba: Đầu tiên nói về ruộng phước bậc Bồ-tát, kể đến biểu hiện Nhị thừa không thấy, sau cùng biểu hiện Bồ-tát thường thấy. Trong phần đầu chính là nói rõ ba thứ ruộng phước: Vào nhà Niết-bàn tâm khởi trên ba cõi là còn lại ba cái dụng của ba giải thoát, ba cõi vắng lặng gọi là nhà Niết-bàn là nơi thanh tịnh yên tâm dừng ở. Quán ba giải thoát nhập vào ba cõi Không mà không giữ lấy sự chứng, trở lại khởi trên thế tục tâm cảm hóa khắp nơi ba cõi cho nên nói là tâm vượt khỏi ba cõi. Tâm vượt khỏi ba cõi mà không nhiễm sắc trước tức là còn lại dụng. Mặc áo Như-lai, vào xứ pháp không tức là quán tuân thủ Nhất tâm như. Nghĩa là khi trải qua ba cõi hóa độ khắp



nơi, mặc áo nhẵn nhục mà không mệt chán, trở về nhập vào pháp không tuân giữ Nhất tâm như, Như kinh Pháp Hoa chép: “Áo nhu hòa nhẵn nhục”. “Ngôi tòa Bồ-đề bước lên Chánh giác nhất địa” là tâm Lý quán của Như-lai thiền, gọi là ngôi ở pháp Không, tiến tu phương tiện đạt được chân quán bước lên Sơ Địa Chánh giác, như kinh Pháp Hoa chép: “Các Pháp Không làm tòa”. Như vậy ba địa vị đều quán hai không, người ngã - pháp ngã hai chấp này điều phục diệt sạch cho nên nói Tâm siêu vượt nhị ngã. Vượt trên hai Ngã cho nên Đoạn đức đầy đủ, tu tập ba Quán cho nên Trí đức cũng đầy đủ, vì thế thường có thể làm ruộng phước cho đạo tục.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Như bĩ nhất địa cập dữ không hải, nhị thừa chi nhân vi bất kiến dã. Phật ngôn: Như thị! Bĩ nhị thừa nhân vị trước Tam-muội, đắc Tam-muội thân, ư bĩ không hải nhất địa, như đắc tửu bệnh hôn túy bất tỉnh nãi chí số kiếp do bất đắc giác, tửu tiêu thì ngộ phương tu thị hành, hậu đắc Phật thân”. Đại Lực Bồ-tát chép: Như Nhất địa kia cùng với biển Không, người Nhị thừa không thấy. Đức Phật nói Đúng vậy! Người hàng Nhị Thừa mê đắm Tam-muội, được Tam-muội thân, đối với biển Không Nhất địa kia, như bệnh được rượu mê mẫn say sưa không tỉnh ngộ cho đến nhiều kiếp hãy còn không thể nào giác ngộ, tỉnh rượu mới hiểu ra - mới tu tập hạnh này, về sau đạt được thân Phật.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai người Nhị thừa không thấy. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong câu hỏi nói Nhất địa, đó là Địa đã bước lên. Thập Địa chính là Sơ Địa gọi là Nhất Địa. Biển Không là Không của ba quán trước đã nhập vào sâu thẳm rộng lớn nên gọi là biển. Trong phần trả lời nói Như thị là vì thừa nhận không thấy, xuống dưới giải thích lý do không thấy của hàng Nhị thừa. Đắm vào vị Tam-muội: Vì vui mừng đắm vào tĩnh lự thiền định mà hưởng đến vắng lặng. Đắc Tam-muội thân: Như những niềm vui hưởng về nhập định diệt tâm, nhờ đó nhập vào Niết-bàn khô thân diệt trí, trí tâm diệt sạch nơi chốn nên thể diệt định sanh ra ngăn dứt tâm pháp của tâm. Như vậy gọi là Đắc Tam-muội thân. Mừng vui vắng lặng huân tập ở trong bốn Thức, vì vậy không hiểu ra biển Không Nhất địa. Như người bệnh nghiện rượu say sưa, chẳng tỉnh cho đến nhiều kiếp còn không được biết: Người hàng Tu-đà-hoàn trụ tám muôn kiếp, cả đến La-hán trụ hai muôn kiếp, hàng Phật Bích Chi trụ mười ngàn kiếp, trụ ở tại Niết-bàn mà không giác ngộ. Nay toàn bộ cùng nói là cho đến nhiều kiếp: Rượu mới tu hành này: tùy theo vui mừng đắm vào đó huân tập dày mỏng, trạng thái mê đắm mất dần và chấm dứt có thể trở lại khởi tâm, lúc tâm

khởi lên thì tâm quay lại nhập vào Đại thừa, mới tu tập ba thứ quán hành như trước. Như kinh Lăng già tụng rằng: “Ví như người mê mẩn say sưa, tỉnh rượu sau đó hiểu ra, đạt được Thể vô thượng của Phật, là Pháp thân chân thật của mình” cho đến giải thích rộng.

Kinh: “Như bỉ nhân giả từng xả Xiển-đề tức nhập lục hành, ư hành địa sở nhất niệm tịnh tâm, quyết định minh bạch, Kim cương trí lực, A-bệ-bạt-trí, độ thoát chúng sanh, từ bi vô tận”. Như hạng người kia thuận theo xả bỏ Xiển-đề lập tức nhập vào sáu hành, hướng về nơi hành địa nhất niệm tịnh tâm, quyết định rõ ràng, trí lực Kim cương, A-bệ-bạt-trí, độ thoát chúng sanh, từ bi không cùng tận.

**Luận chếp:** Đây là nói về người thuộc chủng tánh Bồ-tát, thuận theo xả bỏ chướng ngại bất tín của Xiển-đề, lập tức nhập vào Thập Tín - bậc đầu tiên của sáu hành, ở tại nơi Hành Địa tu tập liền phát khởi một niệm tâm thanh tịnh, tức là Sơ phát tâm của Thập Trụ. Quyết định rõ ràng: Nghĩa là các hành trong sáng của địa vị Thập Hạnh. Kim cương trí lực: Nghĩa là trí lực vững chắc của Thập Hồi Hương. A-bệ-bạt-trí: Nghĩa là từ Sơ Địa trở lên thật sự chứng đạt không còn lui sụt. Độ thoát chúng sanh từ bi vô tận: Chính là hạnh lợi tha ở tại địa vị trước, vì để phân biệt hàng Nhị thừa không thể thật hiện.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Như thị chi nhân ứng bất trì giới, ư bỉ Sa-môn ưng bất kính ngưỡng. Phật ngôn: Vị nói giới giả bất thiện mạn cố, hải ba lăng cố, như bỉ tâm địa bất thức hải trừng, cửu thức lưu tịnh phong bất năng động, ba lăng bất khởi, giới tánh đẳng không, trì giả mê đảo. Như bỉ chi nhân, thất lục bất sanh, chư tập diệt định, bất ly tam Phật nhi phát Bồ-đề, tam vô tướng trung thuận tâm huyền nhập, thâm kính tam bảo bất thất oai nghi, ư bỉ Sa-môn bất vô cung kính. Bồ-tát! Bỉ nhân giả bất trụ thế gian động bất động pháp, nhập tam nhóm không, diệt tam hữu tâm”. Đại Lực Bồ-tát chếp: Người như vậy lẽ ra không trì giới, đối với Sa-môn kia cũng không nên kính mến. Đức Phật nói: Là vì người nói giới khinh mạn bất thiện, vì sóng nước biển khơi, như nơi tâm kia, biển tám thức lắng trong, dòng chín Thức sạch sẽ, gió không thể xao động, sóng nước không tung lên, giới tánh đều là không, người trì giữ mê muội trái lại. Giống như hạng người kia, mạn na - ý thức bất sanh khởi, các tập diệt định, không lìa ba Phật mà phát khởi Bồ-đề, trong ba vô tướng thuận theo tâm sâu xa nhập vào, rất tôn kính Tam bảo không làm mất oai nghi, đối với Sa-môn kia không thể không cung kính. Nay Bồ-tát! Bậc Nhân giả kia không trụ vào pháp động, bất động của thế gian, nhập vào ba nhóm không diệt sạch tâm ba cõi.

**Luận chếp:** Đây là thắng lợi thứ ba xa lìa tai họa, nghĩa là xa lìa tai họa nhân quả của phàm phu. Trong đó đầu tiên hỏi “Nên là không trì giới”: Vì như trước nói rằng “Không thể trì đầy đủ giới Ba-la-đề-mộc-xoa”. Đối với Sa-môn kia cũng nên không kính ngưỡng: Đã không trì giới cho nên không cần phải cung kính người trì giới. Trong trả lời có hai: Trước là thừa nhận câu hỏi trước đó, kể đến làm mất đi câu hỏi sau. Trong phần đầu chếp: “Vì người nói giới”: Vì người nói giới chính là các vị Thanh-văn. Cây mình trì giới coi thường những người phá giới, vì thế nói khinh mạn bất thiện, là vì người này chưa đạt được các pháp không. Trong biển cả tùy miên, sóng bầy Thức xoay chuyển, cho nên nói “Sóng nước biển khơi”, là nêu lên sai lầm của người trì giới. “Như tâm địa kia”: Nghĩa là tâm của Bồ-tát chứng các pháp Không nhập vào đại địa. Hai chấp tùy miên phân biệt khởi lên bên trong Thức thứ tám đều đã diệt sạch không còn, cho nên nói “Biển tám thức lắng trong”. Trí vô phân biệt chứng nhập Bốn giác từng địa thêm lớn xa lìa các tạp nhiễm, cho nên chếp: Dòng chín thức trong sạch. Bốn giác chính là thức thứ chín cho nên tâm vô phân biệt chẳng phải cảnh làm cho dao động vì thế “gió không thể dao động”, không thể dao động cho nên nhiễm bầy Thức bất sanh khởi, do đó nói “Sóng nước không tung lên”. Người này đã chứng tất cả Pháp Không, bầy chi giới tánh thông suốt đều vắng lặng, cho nên nói “Giới tánh đều không”. Nhưng người hàng Thanh-văn không đạt được pháp Không, chấp có giới tánh cây vào tự mình có thể trì giữ, cho nên nói “Người trì giữ mê trái lại”. Đây là trả lời câu hỏi trước nói không trì giới mà lại không phải sai lầm. Từ “Như kia v.v...” trở xuống kể là trả lời câu hỏi sau để trình bày không có khinh mạn. “Thất, lục bất sanh”: Vì Mạt-na thức bốn Hoặc không hiện hành cho nên hạt giống Kiến Hoặc đã đoạn diệt. “Các tạp diệt định”: Các thức sanh khởi từng tâm đã nhóm hợp đều diệt sạch không còn sau đó nhập vào Lý định. “Không lìa ba Phật mà phát Bồ-đề”: là nói từ khi phát tâm đến nay tâm cung kính rộng khắp sanh khởi, Như-lai-tạng Phật là các chúng sanh dựa vào nơi ấy phát tâm cho nên không thể khinh mạn. “Trong ba vô tướng thuận tâm sâu xa hội nhập”: Lúc đạt được Hành Nhập nhỏ sạch gốc rễ vô minh, như trước đã nói thuận theo nhất tâm pháp mà đi sâu vào trong ba giải thoát. Do nghĩa này cho nên rất tôn kính Tam bảo. Nghĩa là hình tượng Phật, pháp thuần khiết vốn có... bốn loại Tăng v.v... chẳng có gì không tôn kính, cho nên đối với Sa-môn không thể không cung kính. Vì dựa vào ba Phật mà phát tâm cho nên nhỏ sạch gốc rễ kiêu mạn trừ bỏ chủng loại vô minh. Trên đây nói về

lià bỏ các nhân tai họa đó, từ đây xuống dưới là nói về xa lià tai họa của các quả đó. “Không trụ ở pháp động bất động của thế gian: Quả giàu có vui mừng của trời người cõi Dục gọi là pháp Động, vì quả thiện phân tán, Quả vắng lặng yên tĩnh của cõi sắc và vô sắc gọi là Pháp Bất động, vì quả thiện ổn định. Đối với nơi ấy không mê đắm cho nên nói là không trụ. Nhập ba nhóm không: Như trước đã nói, xoay vòng liên tục thêm vào cho nên gọi là nhóm. Không phải chỉ không mê đắm cũng làm cho bất sanh khởi, vì điều này cho nên nói là “diệt sạch tâm ba cõi”.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Bỉ nhân giả ư quả mãn túc đức Phật, Như-lai-tạng Phật, hình tượng Phật, như thị Phật sở nhi phát Bồ-đề tâm, nhập tam tụ giới bất trụ kỳ tướng, diệt tam hữu bất cư tịch địa, bất xả khả chúng nhập bất điều địa, không thể nghĩ bàn”. Đại Lực Bồ-tát chép: Bạc Nhân giả ấy hưởng về vị Phật đầy đủ công đức quả vị viên mãn, vị Phật trong Như-lai-tạng, vị Phật bằng hình tượng, đối với các vị Phật như vậy mà phát tâm Bồ-đề nhập vào ba nhóm giới không trụ vào tướng đó, diệt sạch tâm ba cõi không ở chỗ vắng lặng, không xả bỏ được chúng nhập vào chỗ không điều hòa, không thể nghĩ bàn.

**Luận chép:** Đây là Phần thắng lợi thứ tư không có trụ lại. Trong đó có hai: Trước là lĩnh ngộ những điều nói ở trên, sau là nói lên không có trụ lại. Trong phần lĩnh ngộ có hai câu - Trước là lĩnh ngộ câu “Không lià ba vị Phật”. Vị Phật đầy đủ công đức, quả vị viên mãn: Là Thử giác rốt ráo muôn đức tròn đầy. Như-lai-tạng Phật: Là vì tất cả chúng sanh vốn có Bốn giác. Hình tượng Phật: là vàng - đồng - bèn - gỗ có thể biểu hiện tôn tượng, cho nên, nhân quả sự lý không có điều gì rời sót. “Nhập ba nhóm giới, không trụ vào tướng đó: Là lĩnh ngộ câu “Giới tánh đều không” trước đây. Bốn duyên nhập vào giới, không mê đắm tướng giới, ba nhóm bốn duyên sẽ nói trong phẩm sau. Từ đây trở xuống chính là nói về thắng lợi vô trụ. Tuy trở lại nhập vào ba Không nhóm, diệt sạch tâm ba cõi mà không dừng lại nơi vắng lặng. Sáu độ trải rộng khắp nơi cư trụ của chúng sanh nhiều vợi vã gọi là nơi không điều hòa. Từ các hoặc giữ lại dựa vào nghiệp không trói buộc hưởng về nơi ấy thọ sanh nên gọi là Nhập. Nói Lưu hoặc: Nghĩa là không nhanh chóng diệt hết. Như người tiểu thừa ở trong thời gian ba vô số đại kiếp dần dần mà dứt trừ, lúc đạt được Bồ-đề mới dứt sạch hoàn toàn. Không thể cho rằng từ Kim cương trở xuống là hoàn toàn không dứt trừ nên gọi là Lưu!

Kinh: “Nhĩ thời Xá Lợi Phật, tùng tòa nhi khởi tiền nói kệ ngôn: Cự túc Bát-nhã hải, bất trụ Niết-bàn thành, như bỉ diệp liên hoa, cao

nguyên phi sở xuất, chư Phật vô lượng kiếp, bất xả chư phiền não, độ thế nhiên hậu đắc, như nê hoa sơ xuất, như bỉ lục hành địa, Bồ-tát chi sở tu, như bỉ tam nhóm không, Bồ-đề chi trực đạo”. Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất, đứng lên chỗ ngồi bước đến phía trước nói kệ: Biển Bát-nhã Vốn tràn đầy, thành Niết-bàn không dừng lại, như hoa sen tuyệt diệu kia, không sinh ra từ cao nguyên, chư Phật trong vô lượng kiếp, không bỏ các phiền não, cứu độ thế gian chứng đạt sau, như hoa mọc lên từ bùn, như địa vị sáu hành kia, là pháp tu của Bồ-tát, như ba nhóm không nơi ấy, là đường thẳng đến Bồ-đề.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba Thân tử lĩnh ngộ hiểu rõ để làm cho chúng Tiểu thừa phát tâm rộng lớn. Trong đó có hai: 1. Lĩnh ngộ hiểu rõ. 2. Thuật về thành tựu. Trong phần Một cũng có hai: Ba tụng ở trước tụng về những điều giảng nói trước đây, hai tụng sau đó bày tỏ tự mình phát tâm. Trong phần đầu có ba: 1. Hai tụng trước tụng về vô trụ đạo; 2. Có hai câu tụng về địa vị sáu hành; 3. Hai câu cuối cùng tụng về Tam Nhóm không. Trong phần một nói “Biển Bát-nhã đầy đủ” ấy là vì ba giải thoát có đủ ba Tuệ. Không trụ thành Niết-bàn: Vì diệt sạch tâm ba cõi không cư trụ vắng lặng. Bất sanh từ cao nguyên”: Như người Nhị thừa kia lìa bỏ bùn phiền não, tám muôn kiếp... không thể phát tâm. Không bỏ các phiền não”: Vì không giống như hàng Nhị thừa trong nhị sanh gấp rút đoạn hết”. Như hoa mọc từ bùn: Vì từ các hoặc giữ lại nhập vào nơi không điều hòa, ở tại trong đó tu tập đầy đủ Bồ-tát hạnh. Dựa vào đây có thể chứng được quả vị Bồ-đề cho nên nói là “Hành ba nhóm”. Ở tại vẫn có thể biết.

Kinh: “Ngã kim trụ bất trụ, như Phật chi sở nói, lai sở hoàn phục lai, cụ túc nhiên hậu xuất, phục linh chư chúng sanh, như ngã nhất vô nhị, tiền lai hậu lai giả, tất linh đẳng chánh giác”. Nay con trụ nơi không trụ, như những điều Đức Phật nói, nơi đến tiếp tục đến, đầy đủ rồi mới vượt ra, trở lại khiến các chúng sanh, như con hoàn toàn không hai, người đến trước - người đến sau, đều khiến bước lên chánh giác.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai nói tự mình phát tâm. Trong đó có hai: Đầu là hai câu nói về địa vị phát tâm hiện tại, sau là một tụng rưỡi nói về hạnh tu tập sau đó. Con nay trụ nơi không trụ: là hiện nay nghe Đức Phật giảng nói xong phát tâm rộng lớn chính là trụ ở tâm không trụ, vào chỗ vắng lặng. “Nơi đến tiếp tục đến”: Là nơi từ vô tử trôi lăn đến con lìa bỏ trước đây, nay vẫn tiếp tục đến để nhập vào ba cõi cứu độ chúng sanh, bến bờ định lực vươn dài nên sự thọ thân tùy theo những nơi thích hợp đó mà thị hiện. “Đầy đủ rồi sau ra”: Sau khi tất cả

---

hạnh Bồ-tát đầy đủ mới vượt ra xa rồi thân này đạt được thân Phật. Nói người trước là người gốc lành đã thành thực từ quá khứ. Nói người sau là người ở đời vị lai mới thành thực gốc lành. Vì vậy cùng tận thời gian vị lai không dừng nghỉ.

Kinh: “Nhĩ thời Phật cáo Xá-lợi-phất ngôn: Bất khả tư nghị! Nhữ đương ư hậu thành Bồ-tát đạo, vô lượng chúng sanh siêu sanh tử hải”. Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Xá-lợi-phất biết: Không thể nghĩ bàn! Ông sẽ thành tựu đạo Bồ-tát về sau này, vô lượng chúng sanh vượt qua biển cả sanh tử.

**Luận chép:** Phần thứ hai nói về thành tựu, ấn chứng những điều giảng nói đó.

Kinh: “Nhĩ thời đại chúng giai ngộ Bồ-đề, chư tiểu chúng đẳng nhập ngũ không hải”. Lúc ấy đại chúng đều giác ngộ Bồ-đề, các chúng Tiểu thừa đều nhập vào biển năm không.

**Luận chép:** Đây là phần lớn thứ tư nói đại chúng đương thời được lợi ích. Nói đại chúng là chúng Đại thừa. Ngộ Bồ-đề là tâm thức tỉnh nhập vào nhất địa bồ-đề. Các Tiểu chúng gọi là chúng Thanh-văn, được nhập vào ba thứ môn chân như.

